

## TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết phân bổ nguồn vốn nước ngoài  
(viện trợ kinh phí sự nghiệp) từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu và  
vốn đối ứng ngân sách tỉnh năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 2039/QĐ-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 3637/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đầu tư dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam” do Quỹ Khí hậu xanh viện trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc;

Căn cứ Quyết định số 1775/QĐ-BYT ngày 02/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện và Kế hoạch tài chính năm 2021 của Dự án “An ninh y tế khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng” do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tài trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ 22 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2021;

Trên cơ sở đề nghị của Giám đốc các Sở: Y tế tại Công văn số 1242/SYT-KHTC ngày 07/6/2021, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1641/SNNPT-KHTC ngày 14/6/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1656/STC-HCSN&DN ngày 23/6/2021, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét:

1. Ban hành Nghị quyết thống nhất phân bổ nguồn vốn nước ngoài (viện trợ kinh phí sự nghiệp) Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2021 là 4.120 triệu đồng và vốn đối ứng ngân sách tỉnh là 152 triệu đồng với tổng kinh phí 4.272 triệu đồng, như sau:

a) Phân bổ kinh phí đối với Sở Y tế 2.152 triệu đồng (trong đó từ nguồn vốn nước ngoài 2.000 triệu đồng, vốn đối ứng từ nguồn ngân sách tỉnh 152 triệu đồng) để thực hiện kế hoạch năm 2021 - Dự án “An ninh y tế khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng” tỉnh Quảng Ngãi .

*(Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm).*

b) Phân bổ kinh phí đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 2.120 triệu đồng từ nguồn vốn nước ngoài để thực hiện Kế hoạch năm 2021 - Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam” tỉnh Quảng Ngãi.

*(Chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm).*

## 2. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Trung ương bổ sung có mục tiêu trong dự toán đầu năm 2021 là 4.120 triệu đồng;

b) Nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh: Sử dụng trong dự toán được giao đối với Sở Y tế tại Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh là 152 triệu đồng.

*(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh)*

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KGVX, NNTN, TH, CBTH;
- Lưu: VT,KT Tiên302.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**

## PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Tài chính số 77/TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh)



TT	Nội dung chi	Tổng kế hoạch năm 2021		Trong đó		
		USD	VND (1000 đồng)	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng
				USD	VND (1000 đồng)	VND (1000 đồng)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>86.229</b>	<b>2.152.000</b>	<b>86.229</b>	<b>2.000.000</b>	<b>152.000</b>
1	Hợp phần 1: Đẩy mạnh phối hợp phòng chống dịch, bệnh các nước khu vực tiểu vùng Mê công mở rộng	508	11.788	508	11.788	
	Đẩy mạnh phối hợp phòng chống dịch, bệnh liên ngành, xuyên biên giới	508	11.788	508	11.788	
	HD 5: Hợp liên ngành triển khai các hoạt động phòng chống dịch, bệnh tại tỉnh	508	11.788	508	11.788	
2	Hợp phần 2: Đầu tư nâng cao năng lực quốc gia trong giám sát và đáp ứng dịch, bệnh	36.571	848.222	36.571	848.222	
2.1	Nâng cao năng lực giám sát và ứng phó dịch bệnh	13.571	314.760	13.571	314.760	
	HD 45 : Tập huấn cho cán bộ thu thập và xử lý số liệu, cán bộ giám sát tại các cơ sở y tế công lập, tư nhân, tình nguyện viên thôn bản.	13.571	314.760	13.571	314.760	
2.2	Giám sát và đánh giá thực hiện APSED	3.000	69.582	3.000	69.582	
	HD 51 : Đào tạo về phân tích đánh giá nguy cơ cho tuyến huyện và xã	1.500	34.791	1.500	34.791	
	HD 52 : Đào tạo về truyền thông nguy cơ cho tuyến huyện và xã	1.500	34.791	1.500	34.791	
2.3	Nâng cao năng lực sẵn sàng ứng phó dịch bệnh và các sự kiện YTCC khác của cộng đồng	20.000	463.880	20.000	463.880	
	HD 58 : Đào tạo cán bộ tuyến huyện xã về nâng cao năng lực sẵn sàng ứng phó với các tình huống dịch bệnh và sự kiện y tế công cộng	20.000	463.880	20.000	463.880	
3	Hợp phần 3: Đầu tư hệ thống năng lực xét nghiệm đảm bảo công tác phát hiện sớm, đáp ứng kịp thời và kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện nhằm phòng chống lây chéo và lây lan dịch bệnh ra cộng đồng	23.200	538.101	23.200	538.101	
3.1	Đầu tư quản lý chất lượng dịch vụ xét nghiệm cho đơn vị y tế dự phòng tuyến trung ương, tuyến tỉnh	5.000	115.970	5.000	115.970	

TT	Nội dung chi	Tổng kế hoạch năm 2021		Trong đó		
		USD	VNĐ (1000 đồng)	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng VNĐ (1000 đồng)
				USD	VNĐ (1000 đồng)	
	- HD 78 : Phổ biến SOPs cho TTB, kỹ thuật xét nghiệm, nội kiểm, ngoại kiểm	5.000	115.970	5.000	115.970	
3.2	Đầu tư tăng cường chất lượng dịch vụ xét nghiệm	5.000	115.970	5.000	115.970	
	- HD 84 : Tập huấn tuyến tỉnh	5.000	115.970	5.000	115.970	
3.3	Tăng cường kiểm soát lấy nhiễm chéo tại bệnh viện	13.200	306.161	13.200	306.161	
	- HD 90 : Tập huấn cho cán bộ bệnh viện tuyến huyện về phòng, chống nhiễm khuẩn	10.000	231.940	10.000	231.940	
	- HD 96 : Giám sát công tác vệ sinh và phòng chống nhiễm khuẩn tại tuyến huyện	3.200	74.221	3.200	74.221	
<b>4</b>	<b>Bảo trì sửa chữa nhỏ</b>	<b>25.950</b>	<b>601.889</b>	<b>25.950</b>	<b>601.889</b>	
	HD 74: Bảo trì, sửa chữa nhỏ phòng xét nghiệm					
	HD 95: Sửa chữa nhỏ đảm bảo vệ sinh và phòng chống nhiễm khuẩn	25.950	601.889			
	HD 99: Sửa chữa nhỏ cho khu cách ly bệnh viện					
<b>5</b>	<b>Kinh phí Ban Quản lý dự án năm 2021</b>		<b>152.000</b>			<b>152.000</b>
5.1	Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho BQL dự án tại tuyến tỉnh		134.000			134.000
5.2	Chi phí hoạt động cho BQL dự án tuyến tỉnh		18.000			18.000

PHỤ LỤC 02



Số TT	Nội dung	Kinh phí (Triệu đồng)
(1)	(2)	(3)
I	<b>Kết quả 1: Những tính năng thiết kế chống chịu bão lụt được đưa vào 4000 nhà mới xây tại các địa điểm an toàn, hỗ trợ 20000 người nghèo và chịu ảnh hưởng từng thiên tai</b>	<b>1.043,11</b>
*	<b>Hoạt động 1.1 Tài trợ chi phí để bổ sung các tính năng chống chịu bão lụt cho 4000 ngôi nhà (Hỗ trợ kinh phí để bổ sung các tính năng an toàn cho các ngôi nhà được thực hiện trong tỉnh dựa trên các bài học rút ra từ các thiết kế thuộc Chương trình nhà ở theo Quyết định 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình nhà trước đó. Mức hỗ trợ là 1.700 USD/căn)</b>	<b>1.043,11</b>
1	Hỗ trợ kinh phí cho hộ hoàn thiện nhà (số hộ khai móng 15 hộ và đang xây dựng 33 hộ năm 2020)	945,75
2	Tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá và làm việc với địa phương, hỗ trợ xăng xe địa phương trong quá trình đi lại, gắn biển nhà, KOBO software (2017- 2021) chưa cập nhật xong và các nhà hoàn thiện năm 2020, 2021	46,36
3	Lễ Bàn giao nhà huyện Bình Sơn	27,82
4	Các hoạt động khác liên quan đến hoạt động hỗ trợ mục 1.1.4	23,18
II	<b>Kết quả 2. Hỗ trợ, bổ sung, phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và trồng mới một phần đối với 4000ha rừng ngập mặn ven biển, để nâng cao chức năng phòng hộ chắn sóng, tác động của triều cường và nước biển dâng, chủ yếu ứng dụng các kinh nghiệm và kỹ thuật đã thực hiện thành công trong nước</b>	<b>381,49</b>
*	<b>Hoạt động 2.1 Tái sinh hay trồng lại 4000ha rừng ngập mặn vùng ven biển để bị tổn thương bởi BĐKH (Bắt đầu với 2-3 địa điểm, phục hồi rừng ngập mặn sử dụng cây giống sản xuất tại địa phương và lắp đặt cơ sở hạ tầng khi cần thiết để bảo vệ cây (hỗ trợ tre có nguồn từ địa phương hoặc hàng rào), lôi cuốn sự tham gia các cộng đồng trong nhân giống (vườn ươm) và trồng đến mức có thể)</b>	<b>381,49</b>
1	Chăm sóc năm thứ 2 trồng rừng năm 2019 tại sông Đầm 1,36 ha	12,00
2	Chi phí chăm sóc rừng trồng bổ sung năm thứ 2 (0,5 ha)	2,00
3	Quản lý bảo vệ rừng năm thứ 3: 49,95 ha	22,48
4	Hoạt động carbon	30,00
5	Hoạt động kiểm tra giám sát trồng rừng, sinh kế	23,18
6	Nghiên cứu khả thi làm cơ sở xây dựng Kế hoạch và dự toán "Mô hình du lịch sinh thái rừng ngập mặn tại xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn"	268,65
7	Các hoạt động giám sát, hội nghị, họp thôn, tập huấn PCCCR... liên quan liên quan đến 2.1.7 và 2.1.5	23,18

Số TT	Nội dung	Kinh phí (Triệu đồng)
(1)	(2)	(3)
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>695,40</b>
*	Chi phí hoạt động của Ban QLDA	695,40
	<b>Tổng cộng I+II+III</b>	<b>2.120,00</b>